

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54 /2018/ HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2018

V/v “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê thị Thủy

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Nam và bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 28/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118 /2018/HNGĐ - ST ngày 7 tháng 5 năm 2018 về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 31/2018/ QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm 1983(Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Phố 1, phường Đ, thành phố Th, tỉnh Th.

Chỗ ở hiện nay: SN 183, phố Lê Lợi, thị trấn Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Bùi Viết N, sinh năm 1987 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Phố 1, phường Đông H, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: SN 183, phố L, thị trấn Tr, Tr, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc tranh chấp hôn nhân gia đình ngày 02 tháng 5 năm 2018 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hà Thị N trình bày giữa chị và bị đơn là anh Bùi Viết N đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 11 năm 2011 tại UBND xã Hợp Th, huyện Triệu S, tỉnh Th trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện tại vợ chồng anh, chị đã sống ly thân mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị N xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Viết N.

Về con chung: Chị N trình bày vợ chồng anh chị có một con chung với nhau tên cháu là Bùi Hà Nam Ph, sinh ngày 25/7/2012. Ly hôn nguyện vọng của chị N xin được nuôi con, chị xét thấy chị có đủ điều kiện về kinh tế và thời gian để chăm sóc tốt cho cháu Ph, vì hiện nay chị có một hiệu làm tóc, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), chị Na cũng yêu cầu anh N phải đóng góp nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi.

Về tài sản : Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phần nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai và phiên tòa bị đơn là anh Bùi Viết N trình bày việc đăng ký kết hôn và quá trình chung sống cũng như mâu thuẫn vợ chồng như chị N trình bày là đúng. Từ đầu năm 2018 đến nay vợ chồng anh chị có nhiều bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau nhưng anh Nam xét thấy đây chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, vợ chồng anh chị có thể khắc phục được, nay chị N yêu cầu Tòa giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh không đồng ý, anh N đề nghị Tòa giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh N trình bày vợ, chồng anh chị có một con chung với nhau cháu là Bùi Hà Nam Ph, sinh ngày 25/7/2012. Nếu phải ly hôn anh cũng tha thiết xin được nuôi con. Anh Nam xét thấy có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con tốt mà không cần chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, vì nghề nghiệp của anh N là kinh doanh, thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Về tài sản và phần nợ: Anh N không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].*Về hôn nhân*: Chị Hà Thị N và anh Bùi Viết N đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 11 năm 2011 tại UBND xã Hợp Th, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng đoàn tụ hạnh phúc được khoảng gần 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau, dẫn đến sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị Na đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N. Anh N vẫn còn thương yêu chị N, nên đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

Xét mâu thuẫn vợ chồng thì thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh N ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh N cho rằng tình trạng hôn nhân chưa đến mức trầm trọng,

anh còn thương yêu chị N, nhưng lại chưa có biện pháp để gắn kết tình cảm vợ chồng, tại phiên tòa chị N vẫn tha thiết xin được ly hôn.

Vì vậy xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp. Căn cứ vào điều 51, 56 luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị N.

[2]. *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có một con chung với nhau tên cháu là Bùi Hà Nam Ph, sinh ngày 25/7/2012. Ly hôn chị N, anh N đều có nguyện vọng xin được nuôi con, Nếu được nuôi con, chị N yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi, anh N không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Xét việc yêu cầu được nuôi con của chị N và anh N đều chính đáng, cháu Bùi Hà Nam Ph hiện nay đang còn nhỏ, cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp từ người mẹ, lâu nay chị N cũng đang là người trực tiếp chăm sóc cháu Ph. Vì vậy xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Nam Ph, nhằm ổn định về tâm lý, căn cứ vào khoản 2 điều 81 luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Ph cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), kể từ tháng 6 năm 2018 cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi.

[3]. *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Chị N và anh N phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị N, xử cho chị N được ly hôn anh Bùi Viết N.

Về con chung: Giao cháu Bùi Hà Nam Ph, sinh ngày 25/7/2012 cho chị Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh N có nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 6 năm 2018 cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị N và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở.

Nếu trong quá trình nuôi con chị N không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của cháu Ph, thì anh N có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Chị N, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Hà Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện Triệu Sơn theo biên lai số AA/2017/0001182 ngày 3 tháng 5 năm 2018 nay trừ vào án phí ly hôn. Chị Đã nộp đủ.

Anh Bùi Viết N phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố cho chị Hà Thị N và anh Bùi Viết N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- UBND xã Hợp Thành
- Thi hành án
- Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đình Nam Nguyễn Thị Kim Dung

Lê Thị Thủy

Nơi nhận:

- VKS Thiệu Hoá
- Các đương sự
- UBND xã Yên Thái
- Thi hành án
- Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Thông

